

Số: **1498** /QĐ-UBND

An Lão, ngày **26** tháng **5** năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách thường xuyên  
cho các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở công lập - Năm 2021**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 25/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 4186/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 cho các phòng, ban, ngành, các xã, thị trấn và các đơn vị;

Căn cứ Thông báo số: 07/TB-UBND ngày 20/01/2021 của UBND huyện An Lão về Kế hoạch sử dụng lao động tiền lương, hệ số lương và các khoản phụ cấp theo lương đối với các đơn vị sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo 6 tháng đầu năm 2021;

Căn cứ Thông báo số 31/TB-UBND ngày 28/01/2021 của UBND huyện An Lão về số lượng lao động hợp đồng vị trí nấu ăn trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn huyện An Lão được ngân sách thành phố hỗ trợ năm 2021;

Căn cứ Thông báo số: 36/TB-UBND ngày 04/02/2021 của UBND huyện An Lão về bổ sung kế hoạch sử dụng lao động tiền lương, hệ số lương và các khoản phụ cấp theo lương đối với các đơn vị sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo 6 tháng đầu năm 2021;

Căn cứ Thông báo số: 70/TB-UBND ngày 23/3/2021 của UBND huyện An Lão về số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm 2021;

Căn cứ Công văn số: 588/UBND-NV ngày 14/4/2021; Công văn 627/UBND-NV ngày 22/4/2021 về việc đồng ý ký thỏa thuận ký hợp đồng lao động vị trí giáo viên trong các cơ sở giáo dục và đào tạo huyện An Lão;

Căn cứ Công văn số: 734/UBND-NV ngày 11/5/2021 về việc bổ sung tiền lương đối với hợp đồng lao động vị trí giáo viên trong các cơ sở giáo dục và đào tạo huyện An Lão;

Theo đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Báo cáo số: 155/BC - TCKH ngày 17/5/2021 về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2021 cho các trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Bổ sung dự toán chi ngân sách thường xuyên năm 2021 cho các trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn huyện với tổng số tiền là: **7.368.000.000 đồng.**

*(Bảy tỷ, ba trăm sáu mươi tám triệu đồng chẵn)*

Trong đó:

Khôi Mầm non: 1.117.000.000 đồng; Khối Tiểu học: 3.842.000.000 đồng;  
Khôi THCS: 2.409.000.000 đồng.

Bằng nguồn sự nghiệp giáo dục trong Dự toán ngân sách năm 2021.

Có phụ lục chi tiết kèm theo quyết định.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

- Phòng Tài chính- Kế hoạch hướng dẫn, giám sát các đơn vị thực hiện.
- Hiệu trưởng các trường Trung học cơ sở, Tiểu học và Mầm non công lập chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được bổ sung theo đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng huyện; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ; Hiệu trưởng các trường Trung học cơ sở, Tiểu học và Mầm non công lập; Giám đốc kho bạc nhà nước An Lão và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *[Signature]*

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND huyện;
- Như điều 3;
- Lưu: VT. *[Signature]*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



**Ngô Thị Thanh Thủy**

# TỔNG HỢP BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH GIÁO DỤC NĂM 2021

**Bậc học Mầm non, Tiểu học, THCS huyện An Lão**

(Kèm theo Quyết định số: 1498 / QĐ-UBND ngày 26/ 5 / 2021 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị: Triệu đồng

| TT          | Tên đơn vị   | Số biên chế + Quỹ lương giao dự toán 2021 - QĐ số 4186/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 |                               |                   |         |                             |              |                    |            |           | Số biên chế + Quỹ lương được giao theo Thông báo số 07/TB-UBND ngày 20/1/2021, Thông báo số 31/TB-UBND ngày 28/01/2021, Thông báo số 36/TB-UBND ngày 04/02/2021, Thông báo số 70/TB-UBND ngày 23/3/2021 của UBND huyện An Lão |       |    |     |                             |              |                    |            |           | Bổ sung quỹ lương theo số BC có mặt | Số biên chế thiếu | Lương LD ký HĐ theo NQ 102 theo CV số 588/UBND-CV ngày 14/4/2021, CV số 627/UBND-NV ngày 22/4/2021, CV số 734/UBND-NV ngày 11/5/2021 của UBND huyện An Lão |          | Bổ sung quỹ lương BC còn lại | Bổ sung chi CMN V | Tổng cộng |
|-------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------|---------|-----------------------------|--------------|--------------------|------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----|-----|-----------------------------|--------------|--------------------|------------|-----------|-------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------|-------------------|-----------|
|             |              | Tổng số lao động được giao                                                     |                               |                   |         | Tổng hệ số lương và phụ cấp | BHXH, YT, CD | Dự kiến nâng lương | Cộng hệ số | Quỹ lương | Tổng số lao động được giao                                                                                                                                                                                                    |       |    |     | Tổng hệ số lương và phụ cấp | BHXH, YT, CD | Dự kiến nâng lương | Cộng hệ số | Quỹ lương |                                     |                   | Số người                                                                                                                                                   | Kinh phí |                              |                   |           |
|             |              | Biên chế được giao                                                             | BC có mặt, HĐ trong định biên |                   |         |                             |              |                    |            |           |                                                                                                                                                                                                                               |       |    |     |                             |              |                    |            |           |                                     |                   |                                                                                                                                                            |          |                              |                   |           |
|             |              |                                                                                | Biên chế                      | HĐ trong chỉ tiêu | Cô nuôi |                             |              |                    |            |           |                                                                                                                                                                                                                               |       |    |     |                             |              |                    |            |           |                                     |                   |                                                                                                                                                            |          |                              |                   |           |
| A           | B            | 1                                                                              | 2                             | 3                 | 4       | 5                           | 6            | 7                  | 8          | 9         | 10                                                                                                                                                                                                                            | 11    | 12 | 13  | 14                          | 15           | 16                 | 17         | 18        | 19                                  | 20                | 21                                                                                                                                                         | 22       | 23                           | 24                | 25        |
| Tổng cộng   |              | 1.854                                                                          | 1.677                         | 30                | 144     | 8.640                       | 1.598        | 307                | 10.545     | 188.541   | 1.849                                                                                                                                                                                                                         | 1.700 | 30 | 137 | 8.707                       | 1.610        | 308                | 10.624     | 189.980   | 1.438                               | 124               | 17                                                                                                                                                         | 724      | 4.560                        | 644               | 7.368     |
| I - Mầm non |              | 632                                                                            | 587                           | 18                | 144     | 2.802                       | 517          | 100                | 3.418      | 61.120    | 627                                                                                                                                                                                                                           | 589   | 18 | 137 | 2.809                       | 518          | 100                | 3.426      | 61.258    | 137                                 | 21                | .                                                                                                                                                          | .        | 879                          | 101               | 1.117     |
| 1           | Bát Trang    | 40                                                                             | 37                            | 1                 | 10      | 175,42                      | 32,4         | 6,2                | 214,1      | 3.827     | 40                                                                                                                                                                                                                            | 37    | 1  | 9   | 170,78                      | 31,49        | 6,2                | 208,50     | 3.728     | (99,43)                             | 2                 |                                                                                                                                                            |          | 84                           |                   | (16)      |
| 2           | Trường Thọ   | 42                                                                             | 39                            | 1                 | 10      | 182,08                      | 33,6         | 6,5                | 222,2      | 3.973     | 42                                                                                                                                                                                                                            | 39    | 1  | 10  | 182,39                      | 33,65        | 6,5                | 222,51     | 3.978     | 5,54                                | 2                 |                                                                                                                                                            |          | 84                           | 9                 | 98        |
| 3           | Trường Thành | 34                                                                             | 31                            | 1                 | 7       | 142,34                      | 26,2         | 5,1                | 173,6      | 3.104     | 33                                                                                                                                                                                                                            | 31    | 1  | 7   | 142,34                      | 26,23        | 5,1                | 173,63     | 3.104     | -                                   | 1                 |                                                                                                                                                            |          | 42                           | 4                 | 46        |
| 4           | An Tiến      | 28                                                                             | 26                            | 1                 | 6       | 131,42                      | 24,3         | 4,7                | 160,4      | 2.868     | 28                                                                                                                                                                                                                            | 26    | 1  | 5   | 129,94                      | 23,92        | 4,7                | 158,53     | 2.835     | (33,10)                             | 1                 |                                                                                                                                                            |          | 42                           |                   | 9         |
| 5           | Thị trấn     | 23                                                                             | 22                            | 1                 | 4       | 100,21                      | 18,4         | 3,6                | 122,1      | 2.184     | 23                                                                                                                                                                                                                            | 22    | 1  | 3   | 99,80                       | 18,22        | 3,6                | 121,58     | 2.174     | (9,77)                              | -                 |                                                                                                                                                            |          | -                            |                   | (10)      |
| 6           | An Thắng     | 34                                                                             | 31                            | 1                 | 7       | 149,42                      | 27,6         | 5,3                | 182,3      | 3.259     | 32                                                                                                                                                                                                                            | 31    | 1  | 6   | 147,56                      | 27,12        | 5,3                | 179,99     | 3.218     | (41,07)                             | -                 |                                                                                                                                                            |          | -                            |                   | (41)      |
| 7           | Tân Dân      | 25                                                                             | 24                            | 1                 | 5       | 121,20                      | 22,3         | 4,3                | 147,9      | 2.644     | 26                                                                                                                                                                                                                            | 24    | 1  | 5   | 121,20                      | 22,35        | 4,3                | 147,85     | 2.644     | -                                   | 1                 |                                                                                                                                                            |          | 42                           | 4                 | 46        |
| 8           | Trường Sơn   | 29                                                                             | 27                            | 1                 | 7       | 138,53                      | 25,7         | 4,9                | 169,2      | 3.025     | 29                                                                                                                                                                                                                            | 28    | 1  | 6   | 139,83                      | 25,85        | 4,9                | 170,61     | 3.051     | 25,26                               | -                 |                                                                                                                                                            |          | -                            |                   | 25        |
| 9           | Thái Sơn I   | 32                                                                             | 27                            | 1                 | 8       | 125,89                      | 23,3         | 4,5                | 153,7      | 2.747     | 32                                                                                                                                                                                                                            | 27    | 1  | 8   | 127,61                      | 23,70        | 4,5                | 155,79     | 2.785     | 37,98                               | 4                 |                                                                                                                                                            |          | 167                          | 20                | 225       |
| 10          | Thái Sơn II  | 15                                                                             | 14                            | 1                 | 3       | 65,87                       | 12,2         | 2,3                | 80,4       | 1.437     | 16                                                                                                                                                                                                                            | 14    | 1  | 3   | 67,01                       | 12,43        | 2,3                | 81,78      | 1.462     | 25,17                               | 1                 |                                                                                                                                                            |          | 42                           | 6                 | 73        |
| 11          | An Thái      | 44                                                                             | 41                            | 1                 | 11      | 184,99                      | 34,1         | 6,6                | 225,6      | 4.034     | 43                                                                                                                                                                                                                            | 41    | 1  | 11  | 187,16                      | 34,59        | 6,6                | 228,32     | 4.082     | 47,92                               | 1                 |                                                                                                                                                            |          | 42                           | 9                 | 99        |



| TT            | Tên đơn vị   | Số biên chế + Quỹ lương giao dự toán 2021 - QĐ số 4186/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 |                               |                   |         |                             |              |                    |            |           | Số biên chế + Quỹ lương được giao theo Thông báo số 07/TB-UBND ngày 20/1/2021, Thông báo số 31/TB-UBND ngày 28/01/2021, Thông báo số 36/TB-UBND ngày 04/02/2021, Thông báo số 70/TB-UBND ngày 23/3/2021 của UBND huyện An Lão |                               |                   |         |                             |              |                    |            |           | Bổ sung quỹ lương theo số BC có mặt | Số biên chế thiếu | Lương LD ký HĐ theo NQ 102 theo CV số 588/UBND-CV ngày 14/4/2021, CV số 627/UBND-NV ngày 22/4/2021, CV số 734/UBND-NV ngày 11/5/2021 của UBND huyện An Lão |          | Bổ sung quỹ lương BC còn lại | Bổ sung chi CMN V | Tổng cộng |
|---------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------|---------|-----------------------------|--------------|--------------------|------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------|---------|-----------------------------|--------------|--------------------|------------|-----------|-------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------|-------------------|-----------|
|               |              | Tổng số lao động được giao                                                     |                               |                   |         | Tổng hệ số lương và phụ cấp | BHXH, YT, CD | Dự kiến nâng lương | Cộng hệ số | Quỹ lương | Tổng số lao động được giao                                                                                                                                                                                                    |                               |                   |         | Tổng hệ số lương và phụ cấp | BHXH, YT, CD | Dự kiến nâng lương | Cộng hệ số | Quỹ lương |                                     |                   | Số người                                                                                                                                                   | Kinh phí |                              |                   |           |
|               |              | Biên chế được giao                                                             | BC có mặt, HĐ trong định biên |                   |         |                             |              |                    |            |           | Biên chế được giao                                                                                                                                                                                                            | BC có mặt, HĐ trong định biên |                   |         |                             |              |                    |            |           |                                     |                   |                                                                                                                                                            |          |                              |                   |           |
|               |              |                                                                                | Biên chế                      | HD trong chi tiêu | Cô nuôi |                             |              |                    |            |           |                                                                                                                                                                                                                               | Biên chế                      | HD trong chi tiêu | Cô nuôi |                             |              |                    |            |           |                                     |                   |                                                                                                                                                            |          |                              |                   |           |
| A             | B            | 1                                                                              | 2                             | 3                 | 4       | 5                           | 6            | 7                  | 8          | 9         | 10                                                                                                                                                                                                                            | 11                            | 12                | 13      | 14                          | 15           | 16                 | 17         | 18        | 19                                  | 20                | 21                                                                                                                                                         | 22       | 23                           | 24                | 25        |
| 12            | An Thọ       | 31                                                                             | 29                            |                   | 7       | 135,63                      | 24,9         | 4,8                | 165,4      | 2.957     | 32                                                                                                                                                                                                                            | 29                            |                   | 7       | 135,63                      | 24,91        | 4,8                | 165,36     | 2.957     | -                                   | 3                 |                                                                                                                                                            |          | 126                          | 12                | 138       |
| 13            | Mỹ Đức       | 45                                                                             | 43                            | 1                 | 13      | 217,34                      | 40,3         | 7,7                | 265,4      | 4.745     | 45                                                                                                                                                                                                                            | 43                            | 1                 | 12      | 215,48                      | 39,90        | 7,7                | 263,11     | 4.704     | (42,00)                             | 1                 |                                                                                                                                                            |          | 42                           |                   | (0)       |
| 14            | Chiến Thắng  | 34                                                                             | 31                            | 1                 | 8       | 142,66                      | 26,4         | 5,1                | 174,1      | 3.113     | 34                                                                                                                                                                                                                            | 31                            | 1                 | 7       | 141,25                      | 26,02        | 5,1                | 172,34     | 3.081     | (31,64)                             | 2                 |                                                                                                                                                            |          | 84                           | 5                 | 57        |
| 15            | Tân Viên     | 36                                                                             | 34                            | 1                 | 9       | 162,47                      | 30,1         | 5,8                | 198,3      | 3.546     | 36                                                                                                                                                                                                                            | 34                            | 1                 | 9       | 162,47                      | 30,08        | 5,8                | 198,33     | 3.546     | -                                   | 1                 |                                                                                                                                                            |          | 42                           | 4                 | 46        |
| 16            | Quốc Tuấn    | 37                                                                             | 34                            | 1                 | 8       | 161,81                      | 29,8         | 5,7                | 197,4      | 3.530     | 35                                                                                                                                                                                                                            | 34                            | 1                 | 8       | 161,81                      | 29,84        | 5,7                | 197,40     | 3.530     | -                                   | -                 |                                                                                                                                                            |          | -                            |                   | -         |
| 17            | Quang Trung  | 40                                                                             | 38                            | 1                 | 7       | 174,45                      | 32,0         | 6,2                | 212,6      | 3.801     | 40                                                                                                                                                                                                                            | 38                            | 1                 | 7       | 175,42                      | 32,20        | 6,2                | 213,81     | 3.823     | 21,42                               | 1                 |                                                                                                                                                            |          | 42                           | 6                 | 69        |
| 18            | Quang Hưng   | 38                                                                             | 35                            | 1                 | 8       | 164,46                      | 30,2         | 5,8                | 200,5      | 3.585     | 36                                                                                                                                                                                                                            | 36                            | 1                 | 8       | 175,22                      | 32,26        | 5,8                | 213,32     | 3.814     | 228,61                              |                   |                                                                                                                                                            |          | -                            | 22                | 251       |
| 19            | Sao Sáng     | 25                                                                             | 24                            | 1                 | 6       | 125,50                      | 23,2         | 4,5                | 153,2      | 2.739     | 25                                                                                                                                                                                                                            | 24                            | 1                 | 6       | 125,61                      | 23,23        | 4,5                | 153,30     | 2.741     | 2,43                                | -                 |                                                                                                                                                            |          | -                            |                   | 2         |
|               |              |                                                                                |                               |                   |         |                             |              |                    |            |           |                                                                                                                                                                                                                               |                               |                   |         |                             |              |                    |            |           |                                     |                   |                                                                                                                                                            |          |                              |                   |           |
| II - Tiểu học |              | 692                                                                            | 608                           | 2                 | .       | 3.165                       | 576          | 112                | 3.854      | 68.903    | 692                                                                                                                                                                                                                           | 615                           | 2                 | .       | 3.182                       | 579          | 112                | 3.873      | 69.270    | 367                                 | 75                | 6                                                                                                                                                          | 255      | 2.887                        | 332               | 3.842     |
| 1             | Bát Trang    | 43                                                                             | 36                            |                   |         | 203,13                      | 37,2         | 7,2                | 247,5      | 4.426     | 42                                                                                                                                                                                                                            | 36                            |                   |         | 206,23                      | 37,80        | 7,21               | 251,24     | 4.492     | 66,65                               | 6                 |                                                                                                                                                            |          | 251                          | 30                | 348       |
| 2             | Trường Thọ   | 49                                                                             | 45                            |                   |         | 229,75                      | 41,8         | 8,1                | 279,7      | 5.000     | 49                                                                                                                                                                                                                            | 46                            |                   |         | 235,70                      | 42,83        | 8,15               | 286,68     | 5.126     | 125,50                              | 3                 |                                                                                                                                                            |          | 126                          | 24                | 275       |
| 3             | Trường Thành | 31                                                                             | 23                            |                   |         | 119,74                      | 21,5         | 4,2                | 145,5      | 2.602     | 32                                                                                                                                                                                                                            | 24                            |                   |         | 119,17                      | 21,40        | 4,24               | 144,81     | 2.589     | (12,59)                             | 8                 |                                                                                                                                                            |          | 335                          | 31                | 353       |
| 4             | An Tiến      | 44                                                                             | 40                            |                   |         | 208,08                      | 37,7         | 7,4                | 253,1      | 4.526     | 44                                                                                                                                                                                                                            | 40                            |                   |         | 208,08                      | 37,66        | 7,37               | 253,11     | 4.526     | -                                   | 4                 |                                                                                                                                                            |          | 167                          | 15                | 182       |
| 5             | Thị trấn     | 32                                                                             | 28                            |                   |         | 163,91                      | 30,0         | 5,8                | 199,7      | 3.571     | 34                                                                                                                                                                                                                            | 29                            |                   |         | 166,75                      | 30,51        | 5,82               | 203,08     | 3.631     | 59,60                               | 5                 | 1                                                                                                                                                          | 43       | 167                          | 25                | 295       |
| 6             | An Thắng     | 32                                                                             | 29                            |                   |         | 158,18                      | 29,0         | 5,6                | 192,8      | 3.447     | 31                                                                                                                                                                                                                            | 29                            |                   |         | 158,94                      | 29,16        | 5,61               | 193,72     | 3.464     | 16,89                               | 2                 |                                                                                                                                                            |          | 84                           | 10                | 111       |
| 7             | Tân Dân      | 37                                                                             | 31                            |                   |         | 169,52                      | 31,0         | 6,0                | 206,5      | 3.692     | 35                                                                                                                                                                                                                            | 33                            |                   |         | 178,04                      | 32,45        | 6,01               | 216,51     | 3.871     | 178,98                              | 2                 | 1                                                                                                                                                          | 43       | 42                           | 26                | 289       |



| TT         | Tên đơn vị   | Số biên chế + Quỹ lương giao dự toán 2021 - QĐ số 4186/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 |                               |                   |         |                             |              |                    |            |           |                            | Số biên chế + Quỹ lương được giao theo Thông báo số 07/TB-UBND ngày 20/1/2021, Thông báo số 31/TB-UBND ngày 28/01/2021, Thông báo số 36/TB-UBND ngày 04/02/2021, Thông báo số 70/TB-UBND ngày 23/3/2021 của UBND huyện An Lão |                   |         |                             |              |                    |            |           | Bổ sung quỹ lương theo số BC có mặt | Số biên chế thiếu | Lương LD ký HD theo NQ 102 theo CV số 588/UBND-CV ngày 14/4/2021, CV số 627/UBND-NV ngày 22/4/2021, CV số 734/UBND-NV ngày 11/5/2021 của UBND huyện An Lão |          | Bổ sung quỹ lương BC còn lại | Bổ sung chi CMN V | Tổng cộng |
|------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------|---------|-----------------------------|--------------|--------------------|------------|-----------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|-----------------------------|--------------|--------------------|------------|-----------|-------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------|-------------------|-----------|
|            |              | Tổng số lao động được giao                                                     |                               |                   |         | Tổng hệ số lương và phụ cấp | BHXH, YT, CD | Dự kiến năng lương | Cộng hệ số | Quỹ lương | Tổng số lao động được giao |                                                                                                                                                                                                                               |                   |         | Tổng hệ số lương và phụ cấp | BHXH, YT, CD | Dự kiến năng lương | Cộng hệ số | Quỹ lương |                                     |                   | Số người                                                                                                                                                   | Kinh phí |                              |                   |           |
|            |              | Biên chế được giao                                                             | BC có mặt, HD trong định biên |                   |         |                             |              |                    |            |           | Biên chế được giao         | BC có mặt, HD trong định biên                                                                                                                                                                                                 |                   |         |                             |              |                    |            |           |                                     |                   |                                                                                                                                                            |          |                              |                   |           |
|            |              |                                                                                | Biên chế                      | HD trong chỉ tiêu | Cô nuôi |                             |              |                    |            |           |                            | Biên chế                                                                                                                                                                                                                      | HD trong chỉ tiêu | Cô nuôi |                             |              |                    |            |           |                                     |                   |                                                                                                                                                            |          |                              |                   |           |
| A          | B            | 1                                                                              | 2                             | 3                 | 4       | 5                           | 6            | 7                  | 8          | 9         | 10                         | 11                                                                                                                                                                                                                            | 12                | 13      | 14                          | 15           | 16                 | 17         | 18        | 19                                  | 20                | 21                                                                                                                                                         | 22       | 23                           | 24                | 25        |
| 8          | Trường Sơn   | 38                                                                             | 36                            | 1                 |         | 201,20                      | 36,7         | 7,1                | 245,0      | 4.380     | 41                         | 36                                                                                                                                                                                                                            | 1                 |         | 200,25                      | 36,48        | 7,14               | 243,87     | 4.360     | (20,03)                             | 4                 |                                                                                                                                                            |          | 167                          | 14                | 161       |
| 9          | Áng Sơn      | 18                                                                             | 17                            |                   |         | 101,70                      | 18,6         | 3,6                | 123,9      | 2.215     | 18                         | 17                                                                                                                                                                                                                            |                   |         | 101,70                      | 18,59        | 3,61               | 123,90     | 2.215     | -                                   | 1                 |                                                                                                                                                            |          | 42                           | 4                 | 46        |
| 10         | Trần Tất Văn | 41                                                                             | 39                            |                   |         | 204,44                      | 37,0         | 7,2                | 248,7      | 4.447     | 41                         | 39                                                                                                                                                                                                                            |                   |         | 204,42                      | 37,02        | 7,24               | 248,68     | 4.447     | -                                   | 2                 |                                                                                                                                                            |          | 84                           | 8                 | 92        |
| 11         | Ng Độc Tín   | 45                                                                             | 40                            |                   |         | 190,98                      | 34,7         | 6,8                | 232,4      | 4.155     | 44                         | 40                                                                                                                                                                                                                            |                   |         | 190,98                      | 34,66        | 6,77               | 232,41     | 4.155     | -                                   | 4                 | 2                                                                                                                                                          | 85       | 84                           | 15                | 184       |
| 12         | An Thọ       | 32                                                                             | 27                            |                   |         | 136,67                      | 25,0         | 4,9                | 166,5      | 2.978     | 31                         | 28                                                                                                                                                                                                                            |                   |         | 140,36                      | 25,67        | 4,85               | 170,88     | 3.055     | 77,53                               | 3                 |                                                                                                                                                            |          | 126                          | 20                | 223       |
| 13         | Mỹ Đức I     | 31                                                                             | 28                            |                   |         | 135,88                      | 24,7         | 4,8                | 165,4      | 2.958     | 32                         | 28                                                                                                                                                                                                                            |                   |         | 135,88                      | 24,74        | 4,82               | 165,44     | 2.958     | -                                   | 4                 |                                                                                                                                                            |          | 167                          | 15                | 182       |
| 14         | Mỹ Đức II    | 29                                                                             | 23                            | 1                 |         | 121,12                      | 22,0         | 4,3                | 147,4      | 2.636     | 29                         | 24                                                                                                                                                                                                                            | 1                 |         | 117,40                      | 21,36        | 4,29               | 143,06     | 2.558     | (78,36)                             | 4                 |                                                                                                                                                            |          | 167                          | 8                 | 97        |
| 15         | Chiến Thắng  | 32                                                                             | 27                            |                   |         | 139,52                      | 25,1         | 4,9                | 169,6      | 3.032     | 32                         | 27                                                                                                                                                                                                                            |                   |         | 139,53                      | 25,14        | 4,94               | 169,61     | 3.032     | -                                   | 5                 | 1                                                                                                                                                          | 43       | 167                          | 20                | 230       |
| 16         | Tân Viên     | 41                                                                             | 37                            |                   |         | 199,95                      | 36,5         | 7,1                | 243,6      | 4.355     | 41                         | 37                                                                                                                                                                                                                            |                   |         | 201,84                      | 36,97        | 7,09               | 245,90     | 4.397     | 41,73                               | 4                 |                                                                                                                                                            |          | 167                          | 20                | 229       |
| 17         | Quốc Tuấn    | 44                                                                             | 40                            |                   |         | 190,43                      | 34,6         | 6,8                | 231,8      | 4.144     | 43                         | 39                                                                                                                                                                                                                            |                   |         | 191,65                      | 34,73        | 6,75               | 233,13     | 4.168     | 24,17                               | 4                 |                                                                                                                                                            |          | 167                          | 19                | 211       |
| 18         | Quang Trung  | 44                                                                             | 37                            |                   |         | 174,24                      | 31,7         | 6,2                | 212,1      | 3.792     | 43                         | 37                                                                                                                                                                                                                            |                   |         | 168,89                      | 30,70        | 6,18               | 205,77     | 3.679     | (113,18)                            | 6                 | 1                                                                                                                                                          | 43       | 209                          | 12                | 151       |
| 19         | Quang Hưng   | 29                                                                             | 25                            |                   |         | 116,85                      | 21,3         | 4,1                | 142,3      | 2.545     | 30                         | 26                                                                                                                                                                                                                            |                   |         | 116,05                      | 21,16        | 4,15               | 141,36     | 2.545     |                                     | 4                 |                                                                                                                                                            |          | 167                          | 16                | 183       |
| III - THCS |              | 530                                                                            | 482                           | 10                | .       | 2.673                       | 505          | 95                 | 3.273      | 58.518    | 530                        | 496                                                                                                                                                                                                                           | 10                | .       | 2.717                       | 513          | 96                 | 3.325      | 59.453    | 934                                 | 28                | 11                                                                                                                                                         | 468      | 795                          | 211               | 2.409     |
| 1          | Bát Trang    | 32                                                                             | 28                            | 1                 |         | 167,33                      | 31,6         | 6,0                | 204,9      | 3.663     | 31                         | 27                                                                                                                                                                                                                            | 1                 |         | 160,91                      | 30,26        | 5,97               | 197,14     | 3.525     | (138,53)                            | 3                 | 1                                                                                                                                                          | 43       | 84                           |                   | (12)      |
| 2          | Trường Thọ   | 35                                                                             | 30                            |                   |         | 162,97                      | 30,7         | 5,8                | 199,5      | 3.567     | 34                         | 34                                                                                                                                                                                                                            |                   |         | 174,73                      | 32,89        | 5,81               | 213,43     | 3.816     | 248,76                              | -                 |                                                                                                                                                            |          | -                            | 24                | 273       |
| 3          | Trường Thành | 23                                                                             | 21                            |                   |         | 93,69                       | 17,8         | 3,3                | 114,9      | 2.054     | 23                         | 21                                                                                                                                                                                                                            |                   |         | 96,98                       | 18,43        | 3,35               | 118,76     | 2.123     | 69,62                               | 2                 | 1                                                                                                                                                          | 43       | 42                           | 15                | 169       |
| 4          | An Tiến      | 30                                                                             | 29                            | 1                 |         | 159,33                      | 30,2         | 5,7                | 195,2      | 3.490     | 28                         | 29                                                                                                                                                                                                                            | 1                 |         | 157,34                      | 29,78        | 5,68               | 192,80     | 3.447     | (42,26)                             |                   |                                                                                                                                                            |          | -                            |                   | (42)      |



Số biên chế + Quỹ lương giao dự toán 2021 - QĐ số 4186/QĐ-UBND ngày 28/12/2020

Số biên chế + Quỹ lương được giao theo Thông báo số 07/TB-UBND ngày 20/1/2021, Thông báo số 31/TB-UBND ngày 28/01/2021, Thông báo số 36/TB-UBND ngày 04/02/2021, Thông báo số 70/TB-UBND ngày 23/3/2021 của UBND huyện An Lão

Bổ sung quỹ lương theo số BC có mặt

Số biên chế thiếu

Lương LD ký HĐ theo NQ 102 theo CV số 588/UBND-CV ngày 14/4/2021, CV số 627/UBND-NV ngày 22/4/2021, CV số 734/UBND-NV ngày 11/5/2021 của UBND huyện An Lão

Bổ sung quỹ lương BC còn lại

Bổ sung chi CMN V

Tổng cộng

Tổng số lao động được giao

Biên chế được giao

BC có mặt, HD trong định biên

Biên chế

HD trong chỉ tiêu

Cô nuôi

Tổng hệ số lương và phụ cấp

BHXXH, YT, CD

Dự kiến năng lương

Cộng hệ số

Quỹ lương

Tổng số lao động được giao

Biên chế được giao

BC có mặt, HD trong định biên

Biên chế

HD trong chỉ tiêu

Cô nuôi

Tổng hệ số lương và phụ cấp

BHXXH, YT, CD

Dự kiến năng lương

Cộng hệ số

Quỹ lương

Số người

Kinh phí

| A  | B            | 1  | 2  | 3 | 4 | 5      | 6    | 7   | 8     | 9     | 10 | 11 | 12 | 13 | 14     | 15    | 16   | 17     | 18    | 19     | 20 | 21 | 22 | 23  | 24 | 25  |
|----|--------------|----|----|---|---|--------|------|-----|-------|-------|----|----|----|----|--------|-------|------|--------|-------|--------|----|----|----|-----|----|-----|
| 5  | L. Kh. Thiện | 34 | 32 | 2 |   | 198,69 | 37,8 | 7,1 | 243,6 | 4.356 | 34 | 32 | 2  |    | 199,32 | 37,83 | 7,10 | 244,25 | 4.367 | 11,26  | -  | 1  | 43 |     |    | 54  |
| 6  | An Thắng     | 26 | 24 | 2 |   | 130,19 | 24,6 | 4,6 | 159,5 | 2.851 | 27 | 23 | 2  |    | 130,49 | 24,70 | 4,65 | 159,84 | 2.858 | 6,37   | 2  | 1  | 43 | 42  | 9  | 100 |
| 7  | Tân Dân      | 30 | 28 | 1 |   | 158,53 | 29,8 | 5,7 | 194,0 | 3.469 | 28 | 28 | 1  |    | 160,96 | 30,20 | 5,65 | 196,82 | 3.519 | 50,00  |    |    |    |     | 5  | 55  |
| 8  | Trường Sơn   | 35 | 33 |   |   | 187,34 | 35,2 | 6,7 | 229,2 | 4.099 | 35 | 33 |    |    | 187,42 | 35,23 | 6,68 | 229,32 | 4.100 | 1,68   | 2  | 1  | 43 | 42  | 9  | 95  |
| 9  | Thái Sơn     | 39 | 35 |   |   | 198,82 | 37,5 | 7,1 | 243,4 | 4.351 | 39 | 36 |    |    | 202,34 | 38,11 | 7,09 | 247,54 | 4.426 | 74,79  | 3  | 2  | 85 | 42  | 22 | 224 |
| 10 | Ng. Ch. Mỹ   | 34 | 28 |   |   | 149,57 | 28,4 | 5,3 | 183,3 | 3.278 | 34 | 33 |    |    | 160,83 | 30,45 | 5,34 | 196,62 | 3.516 | 237,72 | 1  |    |    | 42  | 30 | 310 |
| 11 | L. Khắc Cần  | 24 | 22 | 1 |   | 126,66 | 23,9 | 4,5 | 155,1 | 2.773 | 23 | 23 | 1  |    | 129,28 | 24,38 | 4,52 | 158,18 | 2.828 | 55,33  |    |    |    | -   | 5  | 60  |
| 12 | Mỹ Đức       | 38 | 36 |   |   | 197,75 | 37,2 | 7,0 | 242,0 | 4.327 | 38 | 36 |    |    | 197,47 | 37,15 | 7,05 | 241,67 | 4.321 | (6,06) | 2  |    |    | 84  | 7  | 85  |
| 13 | Chiến Thắng  | 24 | 21 |   |   | 123,81 | 23,3 | 4,4 | 151,5 | 2.710 | 27 | 21 |    |    | 125,41 | 23,65 | 4,41 | 153,47 | 2.744 | 34,49  | 6  | 1  | 43 | 209 | 28 | 314 |
| 14 | Tân Viên     | 32 | 29 | 1 |   | 164,63 | 31,0 | 5,9 | 201,5 | 3.602 | 32 | 30 | 1  |    | 167,22 | 31,45 | 5,87 | 204,54 | 3.657 | 54,67  | 1  | 2  | 85 |     | 5  | 145 |
| 15 | Quốc Tuấn    | 35 | 33 |   |   | 177,35 | 33,5 | 6,3 | 217,2 | 3.884 | 35 | 34 |    |    | 180,60 | 34,13 | 6,33 | 221,06 | 3.952 | 68,83  | 1  | 1  | 43 | -   | 11 | 122 |
| 16 | Quang Trung  | 33 | 29 | 1 |   | 144,91 | 27,4 | 5,2 | 177,5 | 3.173 | 35 | 31 | 1  |    | 151,42 | 28,39 | 5,17 | 184,98 | 3.307 | 134,59 | 3  |    |    | 126 | 25 | 285 |
| 17 | Quang Hưng   | 26 | 24 |   |   | 130,98 | 25,0 | 4,7 | 160,6 | 2.872 | 27 | 25 |    |    | 134,01 | 25,50 | 5,17 | 164,68 | 2.944 | 72,78  | 2  |    |    | 84  | 16 | 172 |